

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L H
TỈNH V L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HS-ST
Ngày 03/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L H- TỈNH V L

Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Trí Trường

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Tuyết Nga

- Ông Nguyễn Văn Nghĩa

T ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Huyền – T ký Tòa án nhân dân huyện L H - tỉnh V L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L H tham gia phiên tòa: Ông H Tuấn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L H xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 và Thông báo dời phiên tòa số 09/2023/TB ngày 25/10/2023 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo **Nguyễn Tấn D**, sinh ngày 04/02/1986. Tại tỉnh Đ T.

- Nơi ở hiện tại: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đ T.

- Nơi Tòng trú: ấp P xã T, thành phố S, tỉnh Đ T.

- Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; Mẹ: Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1958; Anh, chị, em ruột: có 04 người (Lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất là bị cáo); Vợ: Đặng Mai Q, sinh năm 1993; Con: Nguyễn Thị N Ý, sinh năm 2023; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Nhân thân: Chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2023 đến nay có mặt tại tòa.

2/ Bị cáo **Huỳnh Hữu L**, sinh ngày 19/01/1991. Tại tỉnh A.

- Nơi ở hiện tại: số 7A/13, ấp Tân An, xã Tân Hạnh, huyện L H, tỉnh V L.

- Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Huỳnh Văn D, sinh năm 1966;

Mẹ: Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1968 (đã chết); Anh, chị, em ruột: có 02 người (Lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 2006); Vợ: Nguyễn Anh T, sinh năm 2001; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Chưa có tiền án, tiền sự

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2023 đến nay có mặt tại toà.

3/ Bị cáo **Trần Văn T**, sinh ngày 11/04/1996. Tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nơi ở hiện tại: khóm T, phường T, thành phố **V L**, tỉnh **V L**.

- Nơi Tòng trú: Lê Văn Liêm, khóm 3, phường 3, thành phố S, tỉnh **Đ T**.

- Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Trần Văn L, sinh năm 1971; Mẹ: Ngô Thị S, sinh năm 1972; Anh, chị, em ruột: có 03 người (Lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2009); Vợ: Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 2002; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2023 đến nay có mặt tại toà.

4/ Bị cáo **Hà P**, sinh ngày 03/3/2001. Tại **V L**

- Nơi cư trú: Nguyễn H, khóm 4, phường 2, thành phố **V L**, tỉnh **V L**.

- Nơi Tòng trú: ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh **V L**.

- Nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Hà Văn N, sinh năm 1975; Mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Anh, chị, em ruột: có 02 người (Lớn nhất là bị cáo, nhỏ sinh năm 2009); Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2023 đến nay có mặt tại toà.

Bị hại: Nguyễn Quang C, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện **L H**, tỉnh **V L**

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông: Dương Tùng S, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện **L H**, tỉnh **V L**

2/ Bà: Đặng Mai Q, sinh năm 1997

Nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh **V L**.

3/ Bà: Nguyễn Anh T, sinh năm 2001

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện **L H**, tỉnh **V L**

4/ Bà: Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 2002

Nơi cư trú: khóm T, phường T, thành phố **V L**

5/ Ông: Hà Văn N, sinh năm 1975

Nơi cư trú: ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh **V L**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 26/6/2023, Nguyễn Tấn **D** điện thoại rủ Huỳnh Hữu **L** đi trộm chó bán lấy tiền tiêu xài thì **L** đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, **D** chuẩn bị dụng cụ trộm chó gồm 01 bình ắc quy, 01 cây bá, 01 cây chia và 01 sợi dây dẫn điện để vào túi nilon sau đó để lên xe mô tô biển kiểm soát 70E1 - 629.34 của **L** (**D** đã mượn trước đó) chở đến nhà của **L** thuộc ấp Tân An, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ. **D** và **L** đến bến xe thuộc Phường 8, thành phố **V** **L** cùng uống café đợi trời tối để đi trộm.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Văn **T** điện thoại rủ Hà **P** đi trộm chó thì được **P** đồng ý. **T** tiếp tục điện cho **L** rủ **L** cùng đi. Do **L** đã hẹn trước với **D** đi trộm chó nên **L** yêu cầu **T** đến nhà của **L** để cùng nhau xuất phát. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, **P** và **T** đến nhà của **L** mang theo bộ súng chia kích điện. **D** lắp ráp bình ắc quy, cây bá, cây chia và sợi dây dẫn điện thành bộ súng chia kích điện.

Sau khi chuẩn bị công cụ, **T** điện thoại cho Dương Tùng **S**, sinh năm 1987 ngụ ấp Tân Bình, xã Tân Hạnh, huyện **L H**, tỉnh **V L** thỏa thuận bán chó sau khi bắt trộm cho anh **S** thì anh **S** đồng ý.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, **D**, **T**, **P** và **L** cùng nhau xuất phát đi trộm chó. **L** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70E1 - 629.34 chở **D**, **T** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65G1 - 660.46 chở **P** đi trên các tuyến đường thuộc xã Tân Hạnh và Phú Quới tìm chó.

Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, khi đến đoạn đường thuộc ấp Phước Yên A, xã Phú Quới, huyện **L H** thì **L** và **D** phát hiện 01 con chó màu đen của anh Nguyễn Quang **C**, sinh năm 1978 đang đi trên đường nên **L** điều khiển xe chạy chậm lại để **D** ngồi phía sau dùng súng bắn làm con chó bị ngất. **D** xuống xe ôm kéo con chó lên xe thì bị anh **C** phát hiện chạy ra nắm giữ con chó. **D** dùng cây súng mang theo đánh anh **C** nhằm để anh **C** buông tay để **D** cùng **D** bọn bắt con chó. Anh **C** bị tấn công nhưng vẫn tiếp tục giằng co giữ lại con chó và truy hô. Lúc này, **T** và **P** đến thấy anh **C** truy hô nên **P** nhảy xuống xe dùng cây súng mang theo đưa về hướng anh **C** đe dọa “Bắn chết mẹ à” nên anh **C** sợ bỏ con chó ra và bỏ chạy vào nhà. **D** ôm con chó lên xe để **L** điều khiển xe chạy đi. Đến khu vực khu công nghiệp Hòa Phú thì **D** đưa con chó cho **P** và **T**. **P** và **T** đem con chó bán cho anh **S** được 800.000đ. Đến sáng ngày 27/6/2023, **L**, **P**, **D**, **T** hẹn gặp nhau chia tiền bán chó mỗi người 200.000đ tiêu xài.

Theo kết luận định giá tài sản số 47/KLĐGTS ngày 30/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện **L H** kết luận: 01 con chó nặng 22kg trị giá 1.075.000đ (Một triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Trong quá trình điều tra Nguyễn Tấn **D**, Huỳnh Hữu **L**, Trần Văn **T**, Hà **P** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị can tác động gia đình bồi **thường** thiệt hại theo yêu cầu bị hại với số tiền 6.000.000đ và đã bồi **thường** xong.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện **L H** thu giữ xe mô tô biển kiểm soát 70E1 - 629.34 của Huỳnh Hữu **L**. Xe mô tô biển kiểm soát 65G1 - 604.66 của Hà **P** không thu được do **P** đã bán cho người khác sau khi thực hiện hành vi phạm tội, 02 súng kích điện các bị can đã ném bỏ nên không thu **hồi** được.

Đối với hành vi của Dương Tùng **S** hứa hẹn mua chó của các bị can trộm cắp và đã mua của các bị can chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện **L H** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 97/CT-VKSLH, ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện **L H** truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn **D**, Huỳnh Hữu **L**, Trần Văn **T**, Hà **P** về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ý kiến kiểm sát viên tại tòa: Bảo lưu quan điểm bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện **L H** và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn **D**, Huỳnh Hữu **L**, Trần Văn **T**, Hà **P** phạm tội “Cướp tài sản”

Đề nghị: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Tấn **D** mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Huỳnh Hữu **L** mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Đề nghị: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Trần Văn **T** mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Đề nghị: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo: Hà **P** mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu 01 xe mô tô biển số 70E1-629.34 của **L** là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ. Đề nghị tịch thu 03 chiếc điện thoại của bị cáo **L**, bị cáo **T**, bị cáo **P** sung quỹ.

Đề nghị buộc các bị cáo mỗi bị cáo nộp 200.000đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo nộp 200.000đồng án phí hình sự.

Ý kiến bị cáo Nguyễn Tấn D tại tòa: Bị cáo là người trực tiếp bắn chó của anh C. Khi anh C nắm lại con chó, bị cáo đã dung súng điện đánh anh C nhưng không trúng. Anh C vẫn đang giành lấy lại con chó thì P dung súng chia chỉ vào anh C và nói “Bắn chết mẹ” nên anh C dừng hành động, bị cáo ôm con chó lên xe cho L chạy đi. Súng điện là của bị cáo nhặt được. Bị cáo mới đi cướp lần đầu. Bị cáo không có cùng L đi trộm chó. Súng điện bị cáo đã quăng bỏ sau khi phạm tội.

Lời trình bày sau cùng: Không ý kiến

Ý kiến bị cáo Huỳnh Hữu L tại tòa: Bị cáo chở D đi bắn chó, khi phát hiện con chó trước tiệm điện thoại thì bị cáo dừng xe D bắn con chó, bị cáo quay xe định chở D chạy đi thì anh C phát hiện và truy hô, bị cáo không nhìn thấy D đánh anh C, nhưng P chạy đến nói bắn chết mẹ thì lúc đó D ôm con chó lên xe bị cáo chạy đi. Xe là của bị cáo, trước đó bị cáo cũng có lần cùng D đi trộm chó bằng cách dung súng điện bắn chó. Chiếc điện thoại của bị cáo dùng để liên lạc với T, bị cáo không nhận lại.

Lời trình bày sau cùng: Không ý kiến.

Ý kiến bị cáo Trần Văn T tại tòa: Khi thấy D giành giật con chó với C, bị cáo chở P lại để tiếp ứng. P xuống xe dung súng điện chia vào anh C và nói “bắn chết mẹ” anh C dừng lại hành động lúc này D ôm con chó cho L chở đi. Sáng hôm sau bị cáo được chia 200.000Đ, bị cáo là người đi bán chó cho anh S. Khi P chia súng vào anh C, anh C bỏ chạy. Chiếc điện thoại của bị cáo bị tạm giữ là phương tiện bị cáo liên lạc với L, bị cáo đồng ý giao nộp.

Lời trình bày sau cùng: Không ý kiến.

Ý kiến bị cáo Hà P tại tòa: Súng điện là của bị cáo mua trên mạng xã hội. Lúc D bắn chó bị cáo thấy D và anh C giằng co nên bị cáo cùng với T chạy đến, bị cáo xuống xe và dùng súng điện đe dọa bắn anh C nên anh C dừng lại hành động. D ôm con chó lên xe cùng L chạy đi. Chiếc điện thoại của bị cáo bị thu giữ, bị cáo không có yêu cầu nhận lại và đồng ý sung quỹ.

Lời trình bày sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, cha, mẹ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Chị Q trình bày: cơ quan điều tra cho hay, tôi mới mang tiền bồi Tòng cho chng tôi 1.500.000đ. Tiền này là của chúng tôi, khi gặp D, D kêu tôi lấy tiền bồi thường.

Chị T trình bày: Tôi là vợ của L tôi đã bồi thường dùm cho chồng tôi 1.500.000đ. Tiền này là của vợ chồng, tôi không có yêu cầu.

Ông N trình bày: con tôi yêu cầu tôi bồi thường dùm nó nên tôi đã bồi thường 1.500.000đ. Tôi cho con tôi, không có yêu cầu lấy lại.

Bà M trình bày: Tôi là vợ của T, T kêu tôi bồi thường nên tôi đã bồi thường 1.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tất cả các quyết định, hành vi tố tụng, thủ tục từ giai đoạn phát hiện tội phạm đến điều tra, truy tố bị cáo. Các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự không có khiếu nại từ phía người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa đã phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Lời khai nhận của các bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng là người đã mua tài sản sau khi các bị cáo chiếm đoạt. Hình ảnh diễn biến hành vi của các bị cáo được camera của gia đình bị hại ghi lại. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi bàn bạc với nhau, các bị cáo có ý thức là đi trộm cắp tài sản của người khác là thú cưng (chó). Khi bị cáo **D** dùng súng điện bắn được 01 con chó, anh **C** là chủ tài sản đã phát hiện và nắm giữ tài sản. Bị cáo **D** đã dùng súng điện để tấn công anh **C** là đã chuyển hoá hành vi phạm tội sang cướp tài sản. Lúc này bị cáo **L** đã tiếp thu được hành động nguy hiểm của bị cáo **D** nhưng vẫn bỏ mặc cho sự tấn công của bị cáo **D** để giành lấy tài sản từ phía bị hại. Mặc dù bị cáo không hành động nhưng vẫn để hành động dùng vũ lực lấy tài sản của bị cáo **D** diễn ra nên bị cáo **L** vẫn là một đồng phạm. Bị cáo **P** và bị cáo **T**, khi thấy có sự giằng co tài sản giữa bị cáo **D** và bị hại. Hai bị cáo đã đến hỗ trợ và bị cáo **P** đã dùng hung khí nguy hiểm là súng điện tự chế để đe dọa dùng vũ lực tức khắc đối với bị hại nhằm chiếm lấy tài sản. Bị cáo **T** đã nhận thức được việc tiếp ứng cho bị cáo **D** là sẽ dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, nên bị cáo **T** vẫn phải chịu trách nhiệm đồng phạm về tội cướp tài sản. Súng điện tự chế là hung khí nguy hiểm đã được chứng minh qua việc bị cáo **D** đã bắn làm tê liệt tức khắc con thú cưng của anh **C**. Do đó, cáo trạng số 97/CT.VKSLH ngày 07/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện **L H** đã truy tố các bị cáo về tội cướp tài sản với tình tiết định khung là sử dụng phương tiện nguy hiểm, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội không bị oan sai.

[2.2] Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm, để chiếm đoạt bằng được tài sản của người khác, các bị cáo đã không ngần ngại dùng vũ lực là hung khí nguy hiểm để tấn công và đe dọa tấn công chủ tài sản. Các bị cáo đều có sức khoẻ có lý trí

nhưng do chây lười lao động các bị cáo đã rủ rê nhau chiếm đoạt tài sản người khác để phục vụ cho bản thân mình. Hiện nay, ở nhiều địa phương xảy ra tình trạng bị mất tài sản là loài thú cưng. Gây bức xúc trong dư luận xã hội. Loại tội phạm này rất manh động, táo bạo ngoài việc dùng hung khí nguy hiểm để thực hiện tội phạm, chúng còn sẵn sàng đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chống trả lại người phát hiện, trong số đó có các bị cáo. Do đó việc xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo là cần thiết để trấn áp loại tội phạm này và lập lại trật tự cho đời sống bình Tĩnh của mọi người.

Trong vụ án có đồng phạm và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo **D** và bị cáo **P** giữ vai trò cao hơn trong vụ án. Chính hai bị cáo đã trực tiếp dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản nên hình phạt của hai bị cáo cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo **L** và bị cáo **T** mặc dù không trực tiếp tham gia dùng vũ lực cũng như chiếm đoạt tài sản nhưng các bị cáo đã có sự thống nhất ý chí và chấp nhận hỗ trợ cho việc làm của bị cáo **D** và bị cáo **P**. Nên hai bị cáo giữ vai trò ngang nhau và vẫn phải chịu mức hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ phạm tội.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[2.3]. Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai nhận. Tự nguyện bồi Tĩnh thiệt hại cho bị hại và đã bồi Tĩnh xong. Bị cáo **P** có ông Nội, ông Ngoại là người có công với nước. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **P**. Đây là những tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[2.4]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã yêu cầu gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị hại không còn yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô biển số 70E1- 629.34 của bị cáo **L** là phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung quỹ.

Khi bắt giữ các bị cáo. Cơ quan điều tra còn thu giữ của bị cáo **T** 01 chiếc điện thoại, của bị cáo **P** 01 chiếc điện thoại, bị cáo **L** 01 chiếc xe và 01 điện thoại. Điện thoại của bị cáo **L** và bị cáo **T** có căn cứ xác định là vật có liên quan đến tội phạm nên tịch thu sung quỹ. Điện thoại của bị cáo **P** chưa có căn cứ xác định liên quan đến tội phạm nhưng tại phiên tòa bị cáo đề nghị không nhận lại và đồng ý sung quỹ. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Các khoản thu lợi bất chính của các bị cáo phải giao nộp lại để sung quỹ.

[2.6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2.7]. Quan điểm của kiểm sát viên tại tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.8]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn D, Huỳnh Hữu L, Trần Văn T, Hà P phạm tội “Cướp tài sản”

1.1/ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2023.

1.2/ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2023.

1.3/ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2023.

1.4/ Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hà P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, do không có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ : 01 chiếc xe mô tô biển số 70E1-629.34; 01 điện thoại Nokia loại 1034 số Imei1: 357337080269611; Imei2: 357337086847618 của bị cáo L; 01 điện thoại hiệu Nokia loại 1010 màu đen số Imei: 357678104327930 của bị cáo T; 01 điện thoại Nokia loại 1010 màu đen số Imei: 356944098630832 của bị cáo P. Các tài sản trên đang do chi cục thi hành án dân sự huyện L H quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện L H và Chi cục thi hành án dân sự huyện L H.

Buộc bốn bị cáo mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền thu lợi bất chính để sung quỹ.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:

- CC. THA H;
- VKS. H,T ;
- TAT;
- Sở Tư pháp ;
- CQCSĐT **L H**.
- Phòng **h** sơ CAVL;
- Bị cáo; Bị hại NLQ
- UBND xã Tân Phú Đông, Sa Đéc, DT;
- UBND xã Tân Hạnh, **L H**, VL;
- UBND phường Tân Hoà, VL;
- UBND phường 2, VL;
- Lưu.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Trường